

Tên cơ quan, đơn vị

Phụ lục II

DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2025 (SAU SÁP NHẬP 3 TỈNH/THÀNH PHỐ)

(Kèm theo công văn số/STC-HCSN ngày/.../2025 của Sở Tài chính)

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)								
				Tổng số lượng ĐVSNC L	Số người làm việc			Nguồn thu của đơn vị (triệu đồng)				
					Tổng số người làm việc	Trong đó: số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản PC (triệu đồng)	Tổng nguồn tài chính của đơn vị	Nguồn thu phí			Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp và nguồn thu khác*
									Tổng số thu phí	Số nộp NSNN	Số được để lại chi	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ			-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Nhóm 1)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp							-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số							-				
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ							-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch							-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông							-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							-				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp							-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số							-				

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)								
				Tổng số lượng ĐVSNC L	Số người làm việc			Nguồn thu của đơn vị (triệu đồng)				
					Tổng số người làm việc	Trong đó: số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản PC (triệu đồng)	Tổng nguồn tài chính của đơn vị	Nguồn thu phí			Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp và nguồn thu khác*
A	B	C	D	1	2	3	4	5	Tổng số thu phí	Số nộp NSNN	Số được để lại chi	9
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ							-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch							-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông							-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							-				
III	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp							-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số							-				
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ							-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch							-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông							-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							-				
IV	Đơn vị do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							-				

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)								
				Tổng số lượng ĐVSNC L	Số người làm việc			Nguồn thu của đơn vị (triệu đồng)				
					Tổng số người làm việc	Trong đó: số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản PC (triệu đồng)	Tổng nguồn tài chính của đơn vị	Nguồn thu phí			Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp và nguồn thu khác*
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp							-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số							-				
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ							-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch							-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông							-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							-				

Ghi chú: Báo cáo dựa trên ước thực hiện của đơn vị, kể cả dự kiến phân loại của các đơn vị sau tổ chức lại, sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập trong năm 2025

Cột 9: Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp và nguồn thu khác xác định theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính

Cột 5 = Cột (8) + (9) + (10)

Cột 10 = Cột (11) + (12) + (13)

Cột 14 = Cột (15) + (16) + (17) + (18)

Cột 20 = Cột (21) + (22) + (23) + (24)

Cột 25 = Cột (26) + (27) + (28)

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)								
				Nguồn thu của đơn vị (triệu đồng)				Huy động vốn (triệu đồng)				
				Nguồn NSNN cấp				Tổng số	Vốn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn LDLK với các đơn vị khác
				Tổng số	Chi thường xuyên giao tự chủ	Chi thường xuyên không giao tự chủ	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ SNC					
A	B	C	D	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ			-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Nhóm 1)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo			-				-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			-				-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số			-				-				
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ			-				-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch			-				-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông			-				-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác			-				-				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo			-				-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			-				-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số			-				-				
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ			-				-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch			-				-				

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)								
				Nguồn thu của đơn vị (triệu đồng)				Huy động vốn (triệu đồng)				
				Nguồn NSNN cấp				Tổng số	Vốn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn LDLK với các đơn vị khác
				Tổng số	Chi thường xuyên giao tự chủ	Chi thường xuyên không giao tự chủ	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ SNC					
A	B	C	D	10	11	12	13	14	15	16	17	18
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông			-				-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác			-				-				
III	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo			-				-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			-				-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số			-				-				
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ			-				-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch			-				-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông			-				-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác			-				-				
IV	Đơn vị do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4)			-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo			-				-				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			-				-				
3	Lĩnh vực y tế - dân số			-				-				

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)								
				Nguồn thu của đơn vị (triệu đồng)				Huy động vốn (triệu đồng)				
				Nguồn NSNN cấp				Tổng số	Vốn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn LDLK với các đơn vị khác
				Tổng số	Chi thường xuyên giao tự chủ	Chi thường xuyên không giao tự chủ	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ SNC					
A	B	C	D	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ			-				-				
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch			-				-				
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông			-				-				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác			-				-				

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)									
				Tổng kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Đối với ĐVSNCL nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3					Đối với ĐVSNCL nhóm 4			
					Trích lập các Quỹ (triệu đồng)					Sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được			
					Tổng cộng	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)	Tổng cộng	Chi khen thưởng và phúc lợi	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết
A	B	C	D	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	TỔNG SỐ			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Nhóm 1)			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				-					-			
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				-					-			
3	Lĩnh vực y tế - dân số				-					-			
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				-					-			
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch				-					-			
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông				-					-			
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác				-					-			
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2)			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				-					-			
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				-					-			
3	Lĩnh vực y tế - dân số				-					-			
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				-					-			
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch				-					-			

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)									
				Tổng kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Đối với ĐVSNCL nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3					Đối với ĐVSNCL nhóm 4			
					Trích lập các Quỹ (triệu đồng)					Sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được			
					Tổng cộng	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)	Tổng cộng	Chi khen thưởng và phúc lợi	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết
A	B	C	D	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông				-					-			
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác				-					-			
III	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				-					-			
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				-					-			
3	Lĩnh vực y tế - dân số				-					-			
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				-					-			
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch				-					-			
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông				-					-			
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác				-					-			
IV	Đơn vị do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4)			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				-					-			
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				-					-			
3	Lĩnh vực y tế - dân số				-					-			

TT	Sự nghiệp	Tên cơ quan chủ quản	Tên đầy đủ của Đơn vị sự nghiệp	NĂM 2025 (ƯỚC THỰC HIỆN)									
				Tổng kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Đối với ĐVSNCL nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3					Đối với ĐVSNCL nhóm 4			
					Trích lập các Quỹ (triệu đồng)					Sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được			
					Tổng cộng	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)	Tổng cộng	Chi khen thưởng và phúc lợi	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết
A	B	C	D	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				-					-			
5	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch				-					-			
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông				-					-			
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác				-					-			